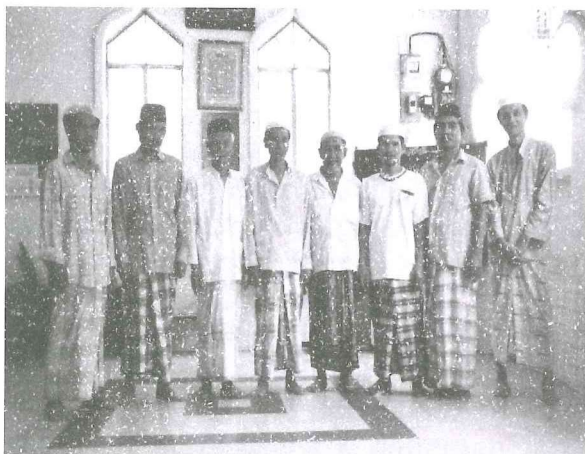


CỘNG ĐỒNG NGƯỜI MALAY Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

VÕ THỊ MỸ

BBT: Trong thời gian qua có nhiều bài viết về cộng đồng người Malay ở thành phố Hồ Chí Minh được trích từ nội dung luận văn tốt nghiệp ngành Đông Nam Á học của sinh viên Võ Thị Mỹ (Khóa 1993-1997) với những chi tiết chưa chính xác. Theo yêu cầu của tác giả, chúng tôi xin trích đăng một phần của luận văn này để rộng đường dư luận.



Trang phục hành lễ của nam giới đồng thời cũng là trang phục tiếp khách, dự tiệc

Việt Nam được xem như một Đông Nam Á thu nhỏ, nằm trên bán đảo Đông Dương với một dải đất hình chữ "S" trải dài theo bờ biển phía Đông của Châu Á. Là một quốc gia nằm ở ngã tư đường giao thông quốc tế, Việt Nam có điều kiện thuận lợi trong giao lưu với nhiều dân tộc trên thế giới. Theo tiến trình của lịch sử, Việt Nam đã trở thành nơi hội tụ của nhiều nền văn hóa, tôn giáo lớn trên thế giới, là nơi tiếp xúc với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ, và một số dân tộc trong khu vực như

Thái, Lào, Khmer, Indonesia, Malaysia,.... Và theo đó, trong quá trình trao đổi buôn bán với Việt Nam, một bộ phận cư dân thuộc các dân tộc khác nhau trên thế giới đã đến, định cư và hình thành cộng đồng sinh sống ở nhiều nơi trên đất nước ta.

Sài Gòn nay là thành phố Hồ Chí Minh, là một vùng trù phú, có điều kiện thuận lợi cho việc phát triển giao thông đường bộ, đường thủy, đường hàng không, thuận lợi cho giao lưu quốc tế và tiếp xúc với nền công nghiệp hiện đại. Nổi tiếng là "nơi đất lành chim đậu" Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh đã thu hút con người từ nhiều nơi quy tụ về làm ăn, buôn bán, truyền giáo, trao đổi và định cư. Những thuyền nhân Ấn Độ, Arab, Pakistan, Pháp, Anh,.... đã lần lượt cập bến cảng Sài Gòn. Từ những điều kiện sinh hoạt đã dần dần hình thành nên những cộng đồng dân tộc sinh sống tại thành phố này như cộng đồng người Hoa (gốc Trung Quốc), cộng đồng người Ấn (gốc Ấn Độ), cộng đồng người Khmer, cộng đồng người Chăm (gốc miền Trung), người Malay (gốc Malaysia - Indonesia),....

Mỗi một cộng đồng có những sắc thái riêng. Mặc dù không sống tách biệt với những cộng đồng khác, song tính dân tộc vẫn là yếu tố hàng đầu để một dân tộc tồn tại và phát triển. Người Mã lai (luận văn này sẽ gọi là người Malay) có nguồn gốc dân tộc Melayu, là dân tộc bản địa chiếm đa số ở Malaysia, Indonesia, Brunei, Singapore và cư trú rải rác ở một số nước trong khu vực Đông Nam Á. Tổ tiên cộng đồng Malay đã chọn Sài Gòn định cư lâu dài và không ngừng phát huy bản sắc văn hóa dân tộc của mình. Trong đó, vấn đề tín ngưỡng, phong tục tập quán được thể hiện khá sinh động và mang những nét đặc thù.

1. SỰ HÌNH THÀNH CỘNG ĐỒNG NGƯỜI MALAY Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trải qua quá trình hình thành và phát triển thành phố Hồ Chí Minh có nhiều cộng đồng người đã đến định cư, sinh sống trên địa bàn này. Cộng đồng người Malay cũng đã đến đây. Qua sự tìm hiểu điều đầu tiên để nhận thấy là sự hình thành Thánh Đường Masjidir Rahim - còn gọi là Thánh đường Malaysia - Indonesia vào năm 1885 tọa lạc tại số 45 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Từ mốc thời gian xây dựng Thánh Đường chúng ta có thể nói rằng cộng đồng Malay này có mặt tại Thành phố Hồ Chí Minh của chúng ta đã hơn một trăm năm.

Qua buổi thuyết trình ngày 8 tháng 6 năm 1997 tại địa điểm 39 Trần Quang Diệu về đề tài: "Cộng đồng Islam tại Thành phố Hồ Chí Minh và văn hóa dân tộc" ông Tuan Duso phó ban đại diện cộng đồng Islam tại thành phố Hồ Chí Minh cho biết rằng: "Cộng đồng người Malay đã đến đây từ năm 1818,

đây là những người đầu tiên dựng nên Thánh đường - Thánh đường đầu tiên của Thành phố Hồ Chí Minh. Hầu hết là nam giới, theo những chiếc thuyền buôn của người Pháp. Khi đến đây những thành viên này làm việc cho các công sở của Pháp như công việc gác đàn, phu đồn điền, kéo xe cổ mã... Do mỗi ngày những người này đã tụ họp lại cùng nhau đóng góp tiền, của và công sức để dựng lên Thánh Đường dùng vào việc sinh hoạt tôn giáo và sau đó bà con cũng dựng lên những ngôi nhà xung quanh Thánh đường để làm nơi cư trú.

Theo bài viết của Nguyễn Đình Đầu về "Dân số và tinh thần cộng đồng tại thành phố Hồ Chí Minh" - Trong quyển "Môi trường nhân văn và đô thị hóa tại Việt Nam, Đông Nam Á và Nhật Bản" nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, năm 1977 thì cho biết, đến năm 1866 đã có 374 người Mala Bà (Nam Dương) cư trú tại Biên Hòa, Gia Định, Định Tường. Như vậy, cộng đồng này đã đến đây trước lúc xây dựng Thánh đường Masjidir Rahim (nay ở số 45 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) khoảng một thời gian khá lâu.

Theo lời của ông Radin Mouxa, sinh năm 1928, hiện cư ngụ tại thánh đường Masjidir Rahim cho biết rằng, cha của ông là một trong những người đầu tiên đã đến đây - Thành phố Hồ Chí Minh. Cha ông có gốc là người sống trên đảo Bauwean với nghề truyền thống là đan chiếu rồi đem bán sang Tân Gia Ba (nay là Singapore). Trước đây, Tân Gia Ba thuộc Malaysia (Mã Lai Á), một nhóm trong những người này đã theo lời chiêu mộ của thuyền buôn Pháp sang Việt Nam làm việc. Khi sang cha ông và các bạn của ông làm các việc như gác đàn, kéo xe cổ mã, bảo vệ kho hàng,...

Trong quyển: "Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam", của tác giả Bình Nguyên Lộc, xuất bản năm 1971 cũng có nhiều trang về cộng đồng Malay với những tên gọi như Mã Lai, Bà Lai... từ thời Pháp, cùng những đặc điểm của sự hòa hợp cộng đồng. Từ đó cho thấy người Malay đã có mặt ở Thành phố Hồ Chí Minh khá lâu, có những giao lưu sinh hoạt với những cộng đồng chung quanh. Đây là một yếu tố quan trọng chứng tỏ sự chung sống, giao lưu để hiểu biết nhau và cùng học hỏi những cái hay, cái đẹp của nhau.

Tóm lại, người Malay đã đến Thành phố Hồ Chí Minh rất lâu, như sách của Bình Nguyên Lộc "Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam" đã trình bày thì có gần ba trăm năm. Song đây chỉ là những người đến trao đổi buôn bán, truyền giáo. Họ không có định cư lâu dài tại một điểm cố định nào nếu có cũng chỉ là những người có chung nguồn gốc Malayo - Polynesia mà nhiều nhà khoa học đưa ra nhiều giả thuyết khác nhau trong đó có giả thuyết cho rằng nhóm cư dân Malayo - Polynesia đã có mặt lâu đời trên mảnh đất hình chữ "S" của người Việt Nam ngày nay và con cháu của người dân Malayo - Polynesia này chính là các dân tộc hiện sống ở Tây Nguyên và Nam Trung phần bao gồm người Êđê, Giarai, Churu, Rangelai, chăm... Cộng đồng người Malay mà tác giả tiểu văn đề cập chắc chắn là một cộng đồng nơi khác di cư đến thành phố Hồ Chí Minh và không phải là người bản địa như các dân tộc trên. Do đó với mốc ba trăm năm mà tác giả Bình Nguyên Lộc nói đến chắc chắn không phải là cộng đồng Malay mà luận văn đang trình bày. Người viết luận văn chọn mốc thời gian được ghi lại một cách khá vững chắc trên bảng tên Thánh đường Masjidir Rahim (Thánh đường Islam duy nhất tại thành phố Hồ Chí Minh dành cho những người gốc Malay đến sinh hoạt tôn

giáo và văn hóa) là vào năm 1885 là mốc thời gian chính của việc hình thành cộng đồng Malay tại thành phố Hồ Chí Minh đã hơn một trăm năm. Các ý kiến của tác giả Nguyễn Đình Đầu (như vừa kể) và một số ý kiến của các vị lớn tuổi trong cộng đồng Malay về sự có mặt của người Malay thành phố Hồ Chí Minh có thể trước thời điểm xây dựng Thánh Đường (1885) của sự hình thành cộng đồng Malay tại thành phố Hồ Chí Minh chỉ bắt đầu từ lúc này sẽ có sức thuyết phục hơn.

Sự hình thành Thánh đường vào năm 1885 (khắc trước cửa Thánh đường), đây là mốc thời gian cụ thể để nói về cộng đồng. Sự tụ họp, cùng sinh sống sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng. Từ đây sự định cư đã hình thành, sự an lạc nghiệp cùng chung sống bên cạnh các dân tộc khác trên vùng đất Bến Nghé - Sài Gòn năm xưa nay là thành phố Hồ Chí Minh, một trung tâm kinh tế lớn của cả nước. Cộng đồng người Malay ở thành phố Hồ Chí Minh, đã cùng chia sẻ ngọt bùi đắng cay, những cố gắng trên mảnh đất này gắn liền với trang sử Việt Nam và trở thành người Việt gốc Melayu như tên gọi của những thành viên tự nhận là "dân tộc Malay" như là một khẳng định không thể thay đổi được. Những thành viên trong cộng đồng đã khẳng định mình là những người mang nguồn gốc Melayu song trong sinh hoạt của những thành viên này không cách biệt với các dân tộc khác.

2. NGUỒN GỐC - TÊN GỌI - DÂN SỐ - KHU CƯ TRÚ

2.1. Nguồn gốc.

Theo lời của ông Radin Mouxa, hiện đang cư trú tại Thánh đường Masjidir Rahim, tự giới thiệu mình là người Malay và cho rằng phần lớn bà con ở nơi đây đều có nguồn gốc từ đảo Bauwean thuộc

lãnh thổ Indonesia ngày nay. Ông nói, theo lời người cha của ông thì lúc đó bà con trên đảo sống chủ yếu bằng nghề dệt chiếu truyền thống rồi đem bán sang Tân Gia Ba (nay là Singapore) những người đi bán thường là nam giới. Khi đến Tân Gia Ba họ thuê nhà và chung sống với nhau. Vào thời điểm đó thì có những chuyến tàu của người Pháp, sang buôn bán trao đổi ở Tân Gia Ba cùng với những lời kêu gọi người làm cho Pháp và những lao động Tân Gia Ba sang Việt Nam làm việc và họ đã từ đây trên những chuyến tàu của pháp đã sang Việt Nam làm việc ở vùng đất mới. Khi sang Việt Nam bà con Malay đã làm các công việc như khâu vá, gác đan, bảo vệ kho bãi, kéo xe (, ...Ý nghĩa trùng với nội dung ghi nhận của giáo sư Trần Văn Giàu trong "Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh" phần lịch sử xuất bản năm 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh, trang 428 có viết: "từ năm 1860 Pháp đã đón một số tư sản người Hoa ở Tân Gia Ba sang giúp cho chúng xây bến tàu, thu mua và xuất cảng lúa gạo ". Chúng tôi nghĩ rằng, "Tân Gia Ba" là một địa điểm theo lời kể của ông Radin Mouxa. Về mặt lịch sử, thời gian này Pháp đã chiếm Việt Nam, chiếm Nam Kỳ Gia Định, vì thế việc Pháp đón người nước ngoài sang làm việc là việc rất cần. Giữa những người nước ngoài làm việc với nhau có sự tin cậy hơn là người của nước mà chúng đang xâm chiếm và đô hộ. Bên cạnh việc đó "đón tư sản người Hoa", ông Radin Mouxa đã nói nhóm người từ đảo Bauwean sang Tân Gia Ba rồi từ Tân Gia Ba đến Việt Nam. Có thể hiểu là người Malay có thể theo người Hoa ở Tân Gia Ba sang Việt Nam làm ăn. Cũng có thể người Malay từ đảo Bauwean là những người làm công cho người Hoa ở Tân Gia Ba nay tiếp tục theo chủ sang Việt Nam làm ăn rồi làm những việc như khâu vá, gác đan, bảo vệ , lái xe,... Từ đây chúng ta có thể kết luận

rằng người Pháp đã đưa người Malay sang Việt Nam làm việc vào những năm 1860 là điều hoàn toàn có thể xảy ra.

Khi đã có cuộc sống ổn định, mức sống khá hơn trước, người Malay đã rủ bạn bè, người thân tiếp tục sang Việt Nam cùng sinh sống, sinh hoạt chung. Bên cạnh đó cũng có một vài người khác từ nước Mã Lai Á, Nam Dương cũng di cư sang. Song những người kể trên phần lớn đều có nguồn gốc Melayu. Nguyên quán của người dân Malay này có người có nguyên quán ở Indonesia, có người từ Malaysia nhưng hầu hết là những người đến sống và làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh đều theo đạo Islam. Các nghi thức trong lễ như cưới, hỏi, ma chay, và ngay trong lúc ăn mặc đều mang đậm nét truyền thống dân tộc Melayu. Qua thời gian sống ở môi trường mới (Sài Gòn, Gia Định nay là Thành phố Hồ Chí Minh), sự giao lưu sinh hoạt với những dân tộc xung quanh, những người lớn tuổi cũng dần dần mất đi, những thế hệ sau dần dần mờ đi nét truyền thống sâu đậm của dân tộc. Song không phải là mất hẳn mà những nghi lễ mang tính tôn giáo Islam thì vẫn giữ vững như những nghi lễ của người Islam trên khắp thế giới nói chung và người Islam khu vực Đông Nam Á và tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

2. 2. Tên Gọi.

Theo quyển sách: "Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam" của Bình Nguyên Lộc, xuất bản năm 1971, trang 409 - 410 có viết: "người Việt ở miền nam gọi người Mã Lai bằng đến năm thứ danh xưng khác nhau: Mã Lai, Bà Lai, Bà Ba, Kiến Hổ và Miền Dưới", vào những năm 1860 là điều hoàn toàn có thể xảy ra. Ông Bình Nguyên Lộc giải thích là:

Kiến Hổ: Là tiếng nói đùa do người Tàu sống ở các xứ Mã Lai và Nam Kỳ dùng, và người Việt ở miền nam bắt chước.

Nguyên chữ Mã (Lai), ngày xưa viết với bộ "trùng", mà "Mã" bộ "trùng" "có nghĩa là con hổ (Kiến lớn) (người tàu thời cổ viết tên các dân tộc kém mở mang hơn họ thường dùng bộ khuyển, bộ Trùng một cách ngạo mạng như thế đó) liên quan đến danh xưng Bà Lai, Bà Ba, ông Bình Nguyên Lộc giải thích: "Ở Nam kỳ người ta ăn bánh Bà Lai, người ta mặc áo Bà Ba, người ta trồng cây sầu riêng (durian), người ta gọi cảnh sát là "mã tà", một danh từ Mã Lai, ảnh hưởng du nhập vào quá dễ dàng (trang 410). Ông không nói tại sao gọi người Mã Lai ở Việt Nam gọi là Bà Lai hay Bà Ba. Riêng người "Miền Dưới" không thấy ông Bình Nguyên Lộc giải thích thêm. Ông chỉ nói: "Số dĩ người Miền Nam gọi Mã Lai là tu lù thứ tiếng là vì hai dân tộc này có chung đưng rất mật thiết với nhau từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 19 tại Biên Hòa, Sài Gòn, Rạch Giá...".

Theo những nhân xưng này được bà con thuộc cộng đồng Malay tại Thành phố Hồ Chí Minh cho biết:

- Danh xưng Bà Lai thì trước đây người Pháp đặt cho họ (ông Ali, ông Mouxa, tuân Dusoh nói), và về sau do quen miệng một số người Việt, người Hoa gọi họ là Bà Lai. Nhưng theo bà con Malay ở đây cho rằng cách gọi như vậy như gọi một số người "mọi, thổ phỉ" nên bà con không bằng lòng với cách gọi là người Bà Lai (Balai).

- Danh xưng Bà Ba thì không phải gọi họ mà là gọi nhóm người Hoa trước đó sống tại Malaysia, biết tiếng Malaysia, và họ đã rời nước Malaysia sang Việt Nam và người Việt gọi những người đó là Bà Ba.

- Danh xưng Kiến Hổ, Miền Dưới thì bà con ở đây không biết và cũng không nghe nói đến.

- Danh xưng Mã Lai thì được bà con trong cộng đồng ở đây chấp nhận. Bà con Malay nói rằng tổ tiên của họ từ khi đến đã tự nhận mình là người có nguồn gốc Melayu, có người gọi bà con thuộc cộng đồng Malay tại thành phố Hồ Chí Minh là người Indonesia, có người gọi là Malaysia, điều này không mâu thuẫn với cách gọi. Bởi vì hầu hết những người theo đạo Islam ở Malaysia, Indonesia, Brunei, Singapore và một số nước khác trong khu vực Đông Nam Á đều là các dân tộc có chung nguồn gốc là Melayu mà lâu nay thường gọi là Malay.

Ngoài những danh xưng vừa nêu, còn một số tên gọi như: người Nam Dương, người Bauwean. Hai danh xưng này gần sát với nơi họ ra đi của một số thành viên trong cộng đồng, nên những thành viên này tự hào về nguồn gốc và cũng làm cho những thành viên này không có sự phân nân.

Tóm lại người Malay thuộc cộng đồng Malay tại Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều tên gọi khác nhau như đã trình bày trên, mỗi cách gọi về người có nguyên nhân của nó, song cách gọi tự nhận của bà con Malay thuộc cộng đồng Malay ở Thành phố Hồ Chí Minh là hợp lý nhất. Vì những người Malay đến Thành phố Hồ Chí Minh có thể có nhiều nguồn gốc xuất phát khác nhau và những thành viên này điều có chung nguồn gốc chủng tộc người Malaysia, Indonesia, Brunei, Singapore, thường gọi là gốc người Melayu và thuộc nhóm cư dân Malayo-Polynesien (nhóm thế giới đảo). Danh xưng Malay là danh xưng bao quát toàn thể cộng đồng trong đó cả Malaysia, Indonesia, Bauwean. Những người có nguồn gốc Melayu nên gọi người Malay thì rất gần gũi với cộng đồng.



Trang phục mặc khi hành lễ của nữ

2. 3. Dân số

Theo ông Radin Mouxa, hiện đang cư trú tại Thánh đường Masjidir Rahim thì phần lớn bà con ở đây đã rời quê hương đi từ bán đảo Bauwean thuộc lãnh thổ Indonesia sang Tân Gia Ba và từ đây sang Việt Nam. Lúc đó chừng khoảng vài chục người Malay, phần lớn là nam giới. Dần dần, thân nhân, vợ con đến theo, một số khác lập gia đình với người Việt, người Chăm và những người Việt kết hôn với người Malay đều phải theo tôn giáo Islam và thường sinh sống chung với cộng đồng Malay, và từ đó cộng đồng Malay ở Thành phố Hồ Chí Minh dần dần tăng lên.

Trải qua thời gian bất cứ một cộng đồng nào cũng phải gia tăng dân số, đây là một điều tất yếu. Sự gia tăng do kết

hôn với một dân tộc khác là một yếu tố quan trọng. Đối với cộng đồng Malay ở thành phố Hồ Chí Minh như đã nói ở trên là hầu hết những người Malay đầu tiên đến Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh, trước đây đều là nam giới. Ngoài quan hệ hôn nhân với người Việt, người Malay này có quan hệ hôn nhân với người Chăm, người Ấn. Theo sau đó là sự giao lưu tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán, hòa nhập vào cuộc sống chung của toàn thành phố và của cả nước.

Đến năm 1866, trong bài viết "Dân số và tinh thần cộng đồng tại thành phố Hồ Chí Minh" trong sách "Môi trường nhân văn và đô thị hóa tại Việt Nam, Đông Nam Á và Nhật Bản", tác giả Nguyễn Đình Đầu đã đưa ra số liệu về cộng đồng này vào năm 1866 là 374 người, gọi là người Mala Bà (Nam Dương). Như thế cộng đồng Malay ở Thành phố Hồ Chí Minh đã chiếm số lượng đáng kể trong thời gian đó.

Cho đến nay, theo ông Haji - Imâm Ally Bin Ahmad, người đại diện thánh đường Masjidir Rahim, 45 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, quận I, thành phố Hồ Chí Minh cho biết cộng đồng này có 420 người (theo danh sách quản lý của Thánh đường -1997). Tại sao cách biệt trên 130 năm mà vẫn không có sự gia tăng nào về dân số? Câu hỏi này được ông Ally giải thích là do nhiều lý do: sau năm 1975, một số người của cộng đồng Malay đã trở về quê hương, một số khác đã chuyển đi các tỉnh khác để lập kế sinh nhai, một vài người đi kinh tế mới. Nhiều cuộc hôn nhân của người Malay thuộc cộng đồng này với người dân tộc khác. Những thành viên dần dần xa cộng đồng để lo cuộc sống riêng. Thời gian mười năm gấu đây, số dân của cộng đồng Malay đã dần tăng trở lại, số người trẻ chiếm đa số.

2.4. Khu cư trú.

Những người Malay đầu tiên đến thành phố Hồ Chí Minh, thường tạm cư gần sông, rạch như Thị Nghè, Bến Nghé, cầu Trương Minh Giảng, Cầu Công Lý. Dần dần kinh tế ổn định, bà con Malay tụ tập lại, góp tiền để mua đất và dựng lên thánh đường. Người đứng ra mua đất tại vùng Bến Nghé nay là địa điểm 45 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh là ông Ibrahim. Theo lời kể của ông Radin Mouxa, một thành viên trong cộng đồng Malay cho biết: "Trước kia thánh đường Masjidir Rahim 45 Nam Kỳ Khởi Nghĩa được xây dựng bằng vách gỗ, lợp lá. Nơi đây lúc đó là sinh lầy nên lối đi vào phải lót ván làm đường để bà con đi vào làm lễ. Từ từ đời sống kinh tế khá khả, thánh đường được tu bổ dần, lối đi vào của thánh đường bà con đã đổ đất cao lên, lót gạch. Và như hiện nay một thánh đường khang trang, thoáng mát với lối kiến trúc đặc sắc, trang nghiêm mà người đến tham quan lễ bái ở đây đều toát lên sự khâm phục.

Xung quanh Thánh đường là sự tụ họp của bà con trong cộng đồng, những ngôi nhà đơn sơ bằng lá, bằng gỗ được dựng lên ở hai bên thánh đường đủ để bà con Malay sinh sống, sinh hoạt đời thường. Cùng sự đi lên của Thành phố và của cả nước, những người Malay sống ở đây đã dần dần xây dựng lại và tu sửa dần ngôi nhà của mình. Có nhà cao hai, ba tầng và lối kiến trúc cũng khác nhau cùng sự xây cất và thiết kế theo ý riêng của mỗi gia đình. Song tất cả những ngôi nhà quanh thánh đường đều có hướng quay về thánh đường và dùng con hẻm rộng chừng một mét với bờ kia là tường của thánh đường là lối đi lại của bà con trong khu vực.

Do kết hôn với người ngoài cộng đồng, một số khác vì công việc làm ăn

và sự gia tăng về số lượng người nên một số thành viên đã cất nhà riêng ở chỗ khác hoặc có nhà ở ngoài khu vực (45 Nam Kỳ Khởi Nghĩa), nên hiện nay còn có một số gia đình không sống trong khu vực gần thánh đường mà cư trú rải rác ở các quận như: quận 1, quận 3, quận 4, quận 5, quận 6, quận 12 (Hóc Môn), quận Gò Vấp. Tuy sống cách xa thánh đường nhưng những thành viên này đều có quan hệ với bà con cư trú trong khu vực, và ít nhất là vào ngày thứ sáu hàng tuần, dù bận bịu với công việc làm ăn nhưng với đức tin về tôn giáo, với tinh thần giữ gìn giáo luật nên những thành viên này vẫn gác lại công việc, đi đến thánh đường để làm lễ cầu nguyện Sambayang Jumaat. Sau đó thường ngồi lại thăm viếng bà con trong khu vực hoặc bàn những việc khác trong xã hội.

Ngoài ra khu nghĩa trang của cộng đồng tại số 493/73A đường Cách Mạng Tháng 8, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh cũng trở thành khu cư trú của bà con Malay. Khu nghĩa trang này cũng có thời gian hình thành xấp xỉ với thời gian hình thành thánh đường Masjidir Rahim. Những người thuộc cộng đồng người Malay tại thành phố Hồ Chí Minh khi chết đều được an táng tại khu nghĩa trang này. Từ năm 1980 nhà nước đã có quyết định tạm ngưng việc chôn cất người chết tại khu nghĩa trang này. Từ sau năm 1980, những người mất trong cộng đồng Malay được đem chôn ở Hố An nay thuộc tỉnh Bình Dương. Việc chôn cất ở xa khó khăn nên có một số người mất được chôn chung với khu nghĩa trang của người Chăm theo đạo Islam tại Gò Vấp - thành phố Hồ Chí Minh.

Tháng 6 năm 1997, theo sự hướng dẫn của thầy Phú Văn Hãn, tác giả đã trực tiếp đến khu nghĩa trang này. Hiện toàn bộ khu nghĩa trang có khoảng

3200m². Khu nghĩa trang này có khoảng 600 mộ, trong đó có một phần mộ có bia bằng gỗ hoặc bằng xi măng để ghi tên tuổi người quá cố. Phần đất còn lại đã được bà con ở đây dựng lên những ngôi nhà để ở.

Hiện khu này có khoảng 70 người sinh sống, gồm 7 hộ, một nhà lớn có 2 gác ngăn ra nhiều hộ và ba ngôi nhà nhỏ bên cạnh sau ngôi nhà lớn.

Những ngôi mộ chôn khoảng thời gian gần đây thì được xây bằng xi măng có khắc tên tuổi, ngày tháng năm sinh cùng ngày mất. Trước đây mộ chỉ đắp đất và bia trên mộ bằng cây, nên theo thời gian, bia bằng cây cùng phần mộ cũng bị lòi dần nên học viên không tìm được những mộ chôn đầu tiên cùng thời gian. Theo phong tục của người Malay theo đạo Islam thì người chết có thể chôn chồng chất lên nhau cùng một diện tích, miễn là khoảng cách thời gian từ lần chôn trước đến lần chôn tiếp theo từ sáu tháng hoặc một năm trở lên đều có thể chôn tiếp lên được. Do đó khó có thể đếm chính xác bao nhiêu mộ trong khu nghĩa trang một cách chính xác hoặc có thể xem mỗi ngôi mộ là một người quá cố (để tính số dân).

Nhìn chung, quá trình hình thành và phát triển của các cộng đồng dân tộc ở Thành phố Hồ Chí Minh nói chung và cộng đồng Malay ở Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, đã khẳng định Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh là vùng đất có những điều kiện thuận lợi thu hút con

người đến cư trú và đã mang lại cho họ đời sống tốt đẹp. Bên cạnh đó còn có sự giao lưu, hòa đồng để cùng nhau sinh hoạt, tổ chức cuộc sống xã hội ngày càng thêm phong phú, phát triển và hoàn thiện. Mối quan hệ giữa các thành viên, các cộng đồng ngày càng phát triển. Những truyền thống văn hóa mang bản sắc dân tộc mình kết hợp với những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc khác tạo nên nét độc đáo, phong phú của dân tộc mình và cũng tạo nên nét tương đồng văn hóa chung cho cả khu vực.

Đến nay, cộng đồng Malay đã trở thành một cộng đồng mang bản sắc riêng so với các cộng đồng dân tộc khác ở thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và của cả nước Việt Nam nói chung. Mặc dù cộng đồng này không được ghi vào danh sách 54 dân tộc có mặt trên đất nước Việt Nam nhưng xét về sự có mặt của cộng đồng Malay ở thành phố Hồ Chí Minh so với các dân tộc khác như dân tộc Khmer, Mường, Chăm, Hoa, Thái,... có mặt ở thành phố thì cộng đồng này cũng cần có sự quan tâm nghiên cứu để có những đề xuất thiết thực góp phần làm rõ hơn sự hiện diện của cộng đồng người Malay này; nghiên cứu dự báo, các thành viên của cộng đồng này sẽ là cộng đồng riêng trong cộng đồng các dân tộc ở thành phố hay là sớm hòa tan vào cộng đồng Việt? Đây là câu hỏi không dễ có thể kết luận. Tiếp tục nghiên cứu về cộng đồng này sẽ góp thêm những hiểu biết thú vị.

CHÚ THÍCH

1. Bình Nguyên Lộc, Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam, sách Bách Bộ, 1971, trang 409 - 410.
2. Bình Nguyên Lộc, sđd trang 409